TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-10-2019
V/v "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thanh Phương
2. Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 650/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Yến N**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tạm trú: Khu phức hợp B, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang
- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

(Bà N có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Yến N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Đức T chung sống tự nguyện từ năm 2005 đến năm 2014 đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Ông bà chính thức ly thân hơn 8 tháng nay không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ.

Nay bà N cương quyết xin ly hôn ông T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thái B, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2008. Bà N yêu cầu giao hai con chung cháu B và cháu D cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà N tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Đức T có ý kiến trình bày:

Ông và bà Huỳnh Yến N chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2014.

Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng do bà N bỏ đi nơi khác sinh sống, ông bà chính thức ly thân. Ông và bà N sống ly thân hơn 8 tháng nay không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ.

Nay bà N xin ly hôn, ông đồng ý vì không thể hàn gắn

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thái B, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2008. Ông T đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cháu B và cháu D, tạm thời không yêu cầu bà Nhi phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà N được ly hôn ông T, giao hai con chung cháu Nguyễn Huỳnh Thái B, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2008 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về án phí nguyên đơn phải chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Huỳnh Yến N nộp đơn ông Nguyễn Đức T, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn bà Huỳnh Yến N; bị đơn ông Nguyễn Đức T. Ông T có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Yến N và ông Nguyễn Đức T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà N cương quyết xin ly hôn ông T và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với ông T, thời gian ly thân đã lâu vợ chồng không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N nhưng không đến Tòa, do đó không thể ghi nhận cho ông bà thuận tình ly hôn mà xét xử cho bà N được ly hôn ông T là phù hợp quy định pháp luật

- Về con chung: Ông bà chung sống có hai con chung là hai con chung cháu Nguyễn Huỳnh Thái B, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2008. Bà N có nguyện vọng giao hai con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, ông T nêu ý kiến đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, tạm thời không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, do ông bà đã thống nhất ý kiến giao hai con chung cháu B và cháu D cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận trên không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà N, ông T khai không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N, ông T khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Yến N đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

Tuyên xử:

Cho bà Huỳnh Yến N được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N, ông T giao hai con chung là hai con chung cháu Nguyễn Huỳnh Thái B, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/7/2008 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nhi, ông Tiến khai không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Bà N, ông T khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về án phí: Bà Huỳnh Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0009603 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (bà N đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKS,THADS,TAT;
- UBND xã, PTP;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thức